

Bản án số: 54 /**2018**/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh.**
2. Ông **Đỗ Thành Ngọc.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Chị **LTTT**, sinh năm 1996.*

Địa chỉ: Số 41, tổ 11, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn: Anh **TTM**, sinh năm 1993.*

Địa chỉ: Số 139/1, ấp TA, xã TT, huyện HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị LTTT trình bày:

Chị và anh TTM bắt đầu chung sống từ năm 2016, không có đăng ký kết hôn, chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau. Anh chị chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên đá gà, đánh bạc, mỗi lần chị khuyên can thì cự cãi và đánh chị rất nhiều lần, chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị trình bày không có.

Không ai nợ chị và anh M.

-Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2018, bị đơn anh TTM trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn. Anh và chị T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi và anh có đánh chị T một lần và chị T về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh trình bày không có.

Không ai nợ anh và chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Do chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2016, không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh M là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị T và anh M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Chị LTTT và anh TTM có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị LTTT và anh TTM thấy rằng: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 2016, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên đá gà, đánh bạc, mỗi lần chị khuyên can thì cự cãi và đánh chị rất nhiều lần, chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2018 đến nay. Anh M thừa nhận anh và chị T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, anh có đánh chị T một lần và chị T về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2018 đến nay. Nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị T. Xét việc chị T và anh M chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do đó cần tuyên bố không công nhận chị T và anh M là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị T và anh M trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị LTTT và anh TTM là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị LTTT và anh TTM trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí:

Chị LTTT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012072 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Chị LTTT và anh TTM vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

LÂM TẤN NHÀN